



**Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm
Colusa - Miliket**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



**Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm
Colusa - Miliket**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0304517551

ngày 23 tháng 8 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0304517551 ngày 03 tháng 01 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Bà Lưu Thị Tuyết Mai	Chủ tịch
Ông Trần Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 13 tháng 12 năm 2022)
Ông Trần Hoàng Ngân	Thành viên (từ ngày 15 tháng 7 năm 2022)
Ông Trịnh Đặng Khánh Toàn	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Thanh	Thành viên (từ ngày 15 tháng 7 năm 2022)
Ông Hoàng Anh Tuấn	Thành viên (từ ngày 15 tháng 7 năm 2022)
Bà Hồ Thị Cẩm Vân	Thành viên (đến ngày 14 tháng 7 năm 2022)
Ông Nguyễn Thụy Long	Thành viên (đến ngày 14 tháng 7 năm 2022)
Ông Nghiêm Xuân Toàn	Thành viên (đến ngày 14 tháng 7 năm 2022)

Ban Giám đốc

Ông Trần Hoàng Ngân	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 1 năm 2023)
Ông Võ Văn Út	Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 12 năm 2022)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 8 tháng 4 năm 2022)
Bà Trần Đỗ Thùy Linh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 8 tháng 4 năm 2022)

Trụ sở đăng ký

1230 Kha Vạn Cân,
Phường Linh Trung
Thành phố Thủ Đức
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Trần Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 22-01-00710-23-1



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2023



Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		252.739.603.712	242.802.566.190
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	46.889.624.121	49.631.175.519
Tiền	111		36.738.516.349	19.604.874.149
Các khoản tương đương tiền	112		10.151.107.772	30.026.301.370
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		157.516.575.644	108.948.216.598
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	157.516.575.644	108.948.216.598
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.305.413.841	41.513.943.911
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	18.100.499.877	17.183.993.666
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	505.011.274	24.190.773.352
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.831.772.258	1.181.764.174
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(1.131.869.568)	(1.042.587.281)
Hàng tồn kho	140	11	28.954.283.028	42.085.455.927
Hàng tồn kho	141		28.954.283.028	42.573.528.526
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(488.072.599)
Tài sản ngắn hạn khác	150		73.707.078	623.774.235
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		73.707.078	107.220.082
Thuế phải thu Nhà nước	153	14(b)	-	516.554.153
Tài sản dài hạn (200 = 220)	200		10.484.714.595	10.952.176.893
Tài sản cố định	220		10.484.714.595	10.952.176.893
Tài sản cố định hữu hình	221	12	10.484.714.595	10.952.176.893
Nguyên giá	222		108.562.147.687	107.204.993.579
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.077.433.092)	(96.252.816.686)
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		263.224.318.307	253.754.743.083

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		113.806.940.348	114.271.609.102
Nợ ngắn hạn	310		113.806.940.348	114.271.609.102
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	43.081.255.695	49.335.475.618
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.585.034.564	1.310.899.470
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14(a)	4.279.660.695	9.892.240.526
Phải trả người lao động	314		35.423.675.986	26.448.141.610
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	9.367.630.156	8.979.175.851
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	2.670.516.018	3.186.360.180
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	14.399.167.234	15.119.315.847
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		149.417.377.959	139.483.133.981
Vốn chủ sở hữu	410	18	149.417.377.959	139.483.133.981
Vốn cổ phần	411	19	48.000.000.000	48.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		48.000.000.000	48.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		59.768.291.333	56.263.396.333
Quỹ đầu tư phát triển	418		20.208.729.979	20.868.942.163
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		21.440.356.647	14.350.795.485
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		312.600.557	127.381.406
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		21.127.756.090	14.223.414.079
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		263.224.318.307	253.754.743.083

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Tường Pha
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Trần Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	634.158.421.013	573.814.559.035
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	2.953.666.192	2.515.914.337
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	21	631.204.754.821	571.298.644.698
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	493.687.685.817	448.901.735.660
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		137.517.069.004	122.396.909.038
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	6.366.412.095	7.007.670.373
Chi phí tài chính	22		209.997.101	199.685.484
Chi phí bán hàng	25	24	92.229.256.850	82.274.210.045
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	24.737.109.612	28.961.756.702
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		26.707.117.536	17.968.927.180
Thu nhập khác	31		503.802.562	135.821.155
Chi phí khác	32		479.113.783	5.158.658
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		24.688.779	130.662.497
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		26.731.806.315	18.099.589.677
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	5.604.050.225	3.876.175.598
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		21.127.756.090	14.223.414.079
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	3.853	2.963

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Tường Pha
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Trần Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		26.731.806.315	18.099.589.677
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		3.972.357.298	5.315.126.735
Các khoản dự phòng	03		(398.790.312)	386.662.784
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		12.724.788	15.533.437
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.894.098.622)	(6.929.862.901)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		24.423.999.467	16.887.049.732
Biến động các khoản phải thu	09		23.035.801.936	(9.933.215.873)
Biến động hàng tồn kho	10		13.619.245.498	(17.096.763.409)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		429.941.857	3.601.066.975
Biến động chi phí trả trước	12		33.513.004	3.499.196
			61.542.501.762	(6.538.363.379)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.276.175.598)	(3.583.482.464)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.882.276.729)	(2.231.422.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		52.384.049.435	(12.353.267.843)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(3.504.895.000)	(336.965.000)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		327.967.172	-
Tiền chi gửi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	23		(119.618.972.811)	(139.711.272.575)
Tiền thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	26		71.050.613.765	161.523.498.268
Tiền thu lãi tiền gửi	27		5.166.131.450	6.929.862.901
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(46.579.155.424)	28.405.123.594

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi trả cổ tức	36		(8.533.720.621)	(12.953.441.932)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8.533.720.621)	(12.953.441.932)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(2.728.826.610)	3.098.413.819
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		49.631.175.519	46.548.295.137
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(12.724.788)	(15.533.437)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	46.889.624.121	49.631.175.519

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Tường Pha
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Trần Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được chuyển đổi từ đơn vị trực thuộc Doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp Colusa - Miliket theo Quyết định số 1078/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 13 tháng 4 năm 2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, mua bán các mặt hàng lương thực, thực phẩm chế biến mang nhãn hiệu Colusa và Miliket;
- Mua bán vật tư, thiết bị nguyên liệu phục vụ sản xuất;
- Chế biến lương thực và thực phẩm;
- Mua bán hàng công nghệ phẩm, bách hóa, hương liệu và gia vị;
- Sản xuất thùng carton, bao bì đóng gói các loại;
- Kinh doanh vận chuyển bằng ô tô và đường sông;
- Mua bán máy móc thiết bị cơ điện, gia công chi tiết máy móc thiết bị phục vụ sản xuất chế biến lương thực và thực phẩm;
- Kinh doanh nhà, cho thuê văn phòng và nhà xưởng; và
- Mua bán xe ô tô, gắn máy, máy nổ, rượu bia và thuốc lá.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 499 nhân viên (1/1/2022: 534 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	3 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10 năm

(g) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.



Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(m) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, do đó quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(n) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:..

	Trong nước		Nước ngoài		Tổng	
	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND
Doanh thu thuần	589.753.944.160	537.626.297.241	41.450.810.661	33.672.347.457	631.204.754.821	571.298.644.698
Giá vốn	463.195.203.381	421.918.881.439	30.492.482.436	26.982.854.221	493.687.685.817	448.901.735.660
	126.558.740.779	115.707.415.802	10.958.328.225	6.689.493.236	137.517.069.004	122.396.909.038
Chi phí không phân bổ, thuần					110.809.951.468	104.427.981.858
Lợi nhuận thuần từ các hoạt động kinh doanh					26.707.117.536	17.968.927.180
Thu nhập khác không phân bổ					503.802.562	135.821.155
Chi phí khác không phân bổ					479.113.783	5.158.658
Thuế thu nhập doanh nghiệp không phân bổ					5.604.050.225	3.876.175.598
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					21.127.756.090	14.223.414.079

Phần lớn tài sản và nợ phải trả của Công ty nằm tại Việt Nam.
 Công ty chi hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là chế biến và kinh doanh lương thực.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	949.152.950	965.343.800
Tiền gửi ngân hàng	35.789.363.399	18.639.530.349
Các khoản tương đương tiền	10.151.107.772	30.026.301.370
	<hr/>	<hr/>
	46.889.624.121	49.631.175.519

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất năm là 3,5% (1/1/2022: 3,0% - 6,5%).

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại:		
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức	6.251.575.644	5.948.216.598
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đông Sài Gòn	5.000.000.000	18.000.000.000
▪ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	46.265.000.000	45.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000
▪ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	20.000.000.000	10.000.000.000
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	50.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	157.516.575.644	108.948.216.598

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm và hưởng lãi suất năm từ 3,9% - 8,5% (1/1/2022: 3,3% - 6,5%).



Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<i>Bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MeSa	7.311.282.243	7.117.344.574
Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safaco	54.540.000	-
<i>Bên thứ ba</i>		
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	3.301.711.023	2.572.138.910
Các khách hàng khác	7.432.966.611	7.494.510.182
	<hr/>	
	18.100.499.877	17.183.993.666
	<hr/>	

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn phải thu trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất Nhập Khẩu Đức Lệ	-	23.940.873.352
Các nhà cung cấp khác	505.011.274	249.900.000
	<hr/>	
	505.011.274	24.190.773.352
	<hr/>	

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu Ông Đình Chí Hiếu, tiền bồi thường hàng thiếu tại kho trung chuyển Gia Lâm	876.851.763	876.851.763
Tạm ứng	414.247.521	-
Phải thu lãi tiền gửi	400.000.000	-
Ký quỹ ngắn hạn	40.306.000	40.306.000
Phải thu ngắn hạn khác	100.366.974	264.606.411
	<hr/>	
	1.831.772.258	1.181.764.174
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2022			1/1/2022				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Ông Đình Chí Hiếu	Trên 5 năm	876.851.763	(876.851.763)	-	Trên 5 năm	876.851.763	(876.851.763)	-
Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh	Trên 5 năm	42.517.805	(42.517.805)	-	Trên 5 năm	42.517.805	(42.517.805)	-
Công ty Cổ phần Mofan Việt Nam	Trên 2 năm	-	-	-	Trên 2 năm	123.217.713	(123.217.713)	-
Công ty Cổ phần Phát triển Mesa	Trên 5 năm	212.500.000	(212.500.000)	-		-	-	-
		1.131.869.568	(1.131.869.568)	-		1.042.587.281	(1.042.587.281)	-

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của dự phòng phải thu trong năm như sau:

	2022 VND
Số dư đầu năm	1.042.587.281
Dự phòng trích lập trong năm	212.500.000
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(123.217.713)
	<hr/>
Số dư cuối năm	1.131.869.568

11. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	20.289.986.419	-	32.397.993.759	(488.072.599)
Công cụ và dụng cụ	43.446.053	-	63.314.694	-
Thành phẩm	8.609.091.356	-	10.090.300.873	-
Hàng hóa	11.759.200	-	21.919.200	-
	<hr/>		<hr/>	
	28.954.283.028	-	42.573.528.526	(488.072.599)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	488.072.599	101.409.815
Dự phòng trích lập trong năm	-	386.662.784
Dự phòng sử dụng trong năm	(488.072.599)	-
	<hr/>	
Số dư cuối năm	-	488.072.599

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	25.861.269.339	68.336.504.069	11.561.448.316	1.445.771.855	107.204.993.579
Tăng trong năm	480.500.000	2.749.395.000	275.000.000	-	3.504.895.000
Thanh lý	-	(1.040.465.000)	(1.061.275.892)	-	(2.101.740.892)
Xóa sổ	-	(46.000.000)	-	-	(46.000.000)
Số dư cuối năm	26.341.769.339	69.999.434.069	10.775.172.424	1.445.771.855	108.562.147.687
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	22.841.070.279	62.062.380.874	10.095.751.323	1.253.614.210	96.252.816.686
Khấu hao trong năm	612.878.163	2.678.022.547	618.463.445	62.993.143	3.972.357.298
Thanh lý	-	(1.040.465.000)	(1.061.275.892)	-	(2.101.740.892)
Xóa sổ	-	(46.000.000)	-	-	(46.000.000)
Số dư cuối năm	23.453.948.442	63.653.938.421	9.652.938.876	1.316.607.353	98.077.433.092
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	3.020.199.060	6.274.123.195	1.465.696.993	192.157.645	10.952.176.893
Số dư cuối năm	2.887.820.897	6.345.495.648	1.122.233.548	129.164.502	10.484.714.595

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá là 66.765.769.335 VND (1/1/2022: 61.987.242.901 VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**13. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Thực phẩm Thái Lan	7.471.298.756	7.471.298.756	6.479.672.474	6.479.672.474
Công ty Cổ phần Bao Bì Bình Minh	5.323.473.387	5.323.473.387	8.216.970.118	8.216.970.118
Các nhà cung cấp khác	30.286.483.552	30.286.483.552	34.638.833.026	34.638.833.026
	<u>43.081.255.695</u>	<u>43.081.255.695</u>	<u>49.335.475.618</u>	<u>49.335.475.618</u>

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần - Công ty Bột mì Bình Đông	2.399.518.080	2.526.941.230

Khoản phải trả thương mại cho một bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Thuế****(a) Thuế phải nộp nhà nước**

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	712.868.005	48.306.778.157	(47.977.803.493)	1.041.842.669
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.676.175.598	5.604.050.225	(5.276.175.598)	2.004.050.225
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.664.631.114	(2.431.757.493)	1.232.873.621
Thuế đất	7.502.202.993	6.349.179.585	(13.851.382.578)	-
Thuế tài nguyên	993.930	10.711.890	(10.811.640)	-
Thuế khác	-	6.000.000	(6.000.000)	-
	9.892.240.526	63.941.350.971	(69.553.930.802)	4.279.660.695

(b) Thuế phải thu nhà nước

	1/1/2022 VND	Số cần trừ trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế thu nhập cá nhân	516.554.153	(516.554.153)	-

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	2.588.349.600	2.503.895.140
Chi phí hỗ trợ vận chuyển	1.007.113.140	1.298.477.136
Tiền thưởng doanh số	5.314.466.855	5.074.303.575
Chi phí phải trả khác	457.700.561	102.500.000
	9.367.630.156	8.979.175.851

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Cổ tức phải trả	1.641.376.666	2.015.097.287
Kinh phí công đoàn	321.259.520	309.187.060
Các khoản phải trả khác	707.879.832	862.075.833
	<hr/>	<hr/>
	2.670.516.018	3.186.360.180
	<hr/>	<hr/>

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	15.119.315.847	13.131.052.219
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh 18)	2.633.512.112	3.819.685.628
Sử dụng trong năm	(3.353.660.725)	(1.831.422.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	14.399.167.234	15.119.315.847
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	48.000.000.000	55.963.831.333	16.742.259.660	22.213.314.537	142.919.405.530
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	14.223.414.079	14.223.414.079
Chuyển quỹ đầu tư phát triển sang vốn khác của chủ sở hữu	-	299.565.000	(299.565.000)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	4.426.247.503	(4.426.247.503)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(3.819.685.628)	(3.819.685.628)
Trích quỹ từ thiện	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Cổ tức (**)	-	-	-	(13.440.000.000)	(13.440.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	48.000.000.000	56.263.396.333	20.868.942.163	14.350.795.485	139.483.133.981
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	21.127.756.090	21.127.756.090
Chuyển quỹ đầu tư phát triển sang vốn khác của chủ sở hữu	-	3.504.895.000	(3.504.895.000)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	2.844.682.816	(2.844.682.816)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(2.633.512.112)	(2.633.512.112)
Trích quỹ từ thiện	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Cổ tức (**)	-	-	-	(8.160.000.000)	(8.160.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	48.000.000.000	59.768.291.333	20.208.729.979	21.440.356.647	149.417.377.959



Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 15 tháng 7 năm 2022 đã quyết định trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 là 2.845 triệu VND (2021: 4.426 triệu VND).
- (**) Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 15 tháng 7 năm 2022 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 8.160 triệu VND, tương đương 1.700 VND/cổ phiếu (2021: 13.440 triệu VND, tương đương 2.800 VND/cổ phiếu).

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	4.800.000	48.000.000.000	4.800.000	48.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	48.000.000.000	4.800.000	48.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	4.800.000	48.000.000.000	4.800.000	48.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cổ đông chính của Công ty như sau:

	31/12/2022		1/1/2022	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty Cổ phần	14.744.000.000	30.72%	14.744.000.000	30.72%
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam – Công ty TNHH MTV	9.600.000.000	20.00%	9.600.000.000	20.00%
Công ty Dịch vụ và Thương mại MESA	9.636.000.000	20.08%	9.636.000.000	20.08%
Các cổ đông khác	14.020.000.000	29.20%	14.020.000.000	29.20%
	48.000.000.000	100%	48.000.000.000	100%

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba và các bên liên quan

	Đơn vị tính	31/12/2022	
		Số lượng	VND
▪ Mì	thùng	19.715	2.866.034.160
▪ Phở	thùng	3	254.660
▪ Mì	hộp	4.989	369.854.263
			3.236.143.083

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	122.497	2.867.771.561	57.265	1.297.453.168

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	629.584.433.680	570.362.267.267
▪ Cung cấp dịch vụ	4.573.987.333	3.452.291.768
	634.158.421.013	573.814.559.035
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	2.906.711.692	2.442.705.062
▪ Hàng bán bị trả lại	46.954.500	73.209.275
	2.953.666.192	2.515.914.337
Doanh thu thuần	631.204.754.821	571.298.644.698

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	494.175.758.416	448.515.072.876
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(488.072.599)	386.662.784
	<hr/> 493.687.685.817	<hr/> 448.901.735.660

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi	5.566.131.450	6.929.862.901
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	800.280.645	77.807.472
	<hr/> 6.366.412.095	<hr/> 7.007.670.373

24. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Lương và các khoản trích theo lương	19.095.281.716	13.870.815.193
Chi phí hỗ trợ bán hàng	46.968.943.802	46.457.096.946
Chi phí vận chuyển	15.680.849.029	13.203.063.636
Chi phí bán hàng khác	10.484.182.303	8.743.234.270
	<hr/> 92.229.256.850	<hr/> 82.274.210.045

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Lương và các khoản trích theo lương	12.173.976.646	8.748.082.453
Chi phí khấu hao	108.485.360	186.574.044
Thuế, phí, lệ phí	6.365.891.475	13.260.060.452
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.088.756.131	6.767.039.753
	<hr/>	
	24.737.109.612	28.961.756.702
	<hr/>	

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	415.558.901.746	388.153.447.798
Chi phí nhân công và nhân viên	94.082.988.300	80.376.668.333
Chi phí khấu hao	3.972.357.298	5.315.126.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.734.333.679	25.336.253.650
Chi phí khác	67.824.261.739	64.424.150.434
	<hr/>	
	609.172.842.762	563.605.646.950
	<hr/>	

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.731.806.315	18.099.589.677
	<hr/>	
Thuế thu nhập tính theo thuế suất 20%	5.346.361.263	3.619.917.935
Chi phí không được khấu trừ thuế	257.688.962	256.257.663
	<hr/>	
	5.604.050.225	3.876.175.598
	<hr/>	



Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	21.127.756.090	14.223.414.079
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.633.512.112)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>18.494.243.978</u>	<u>14.223.414.079</u>

(*) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 được tính dựa trên 18,52% lợi nhuận thuần trong năm 2021 theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022	2021
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	<u>4.800.000</u>	<u>4.800.000</u>

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Cổ đông chính		
Tổng Công ty Lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần		
Chia cổ tức	2.506.480.000	4.128.320.000
Bán hàng hóa	-	48.331.400
Chi nhánh Tổng Công ty Lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần - Công ty Bột mì Bình Đông		
Mua hàng hóa	26.158.151.400	20.694.859.200
Bán hàng hóa	-	45.009.125
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại MESA		
Bán hàng hóa	75.862.272.394	61.815.462.964
Chia cổ tức	1.638.120.000	2.698.080.000
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam – Công ty TNHH MTV		
Chia cổ tức	1.632.000.000	2.688.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm SAFOCO		
Bán hàng hóa	569.600.000	417.540.000
Thành viên Hội đồng quản trị		
Thù lao		
Bà Lưu Thị Tuyết Mai – Chủ tịch	144.000.000	144.000.000
Ông Trịnh Đăng Khánh Toàn – Thành viên	120.000.000	120.000.000
Ông Nghiêm Xuân Toàn – Thành viên	65.000.000	120.000.000
Ông Hồ Thị Cẩm Vân – Thành viên	65.000.000	14.000.000
Ông Nguyễn Thụy Long – Thành viên	65.000.000	14.000.000
Ông Trần Hoàng Ngân – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	55.000.000	-
Ông Hoàng Ngọc Thanh – Thành viên	55.000.000	-
Ông Hoàng Anh Tuấn – Thành viên	55.000.000	-
Ông Phạm Tuấn Anh – Thành viên	-	106.000.000
Ông Huỳnh Kim Hải – Thành viên	-	106.000.000
Tổng Giám đốc		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	1.517.881.600	1.427.258.000
Thành viên quản lý khác		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.147.368.875	1.248.739.767

Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa - Miliket
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Thông tin so sánh

Các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Tường Pha
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Trần Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc

